

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày tháng 6 năm 2025

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số”
trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”;

Căn cứ Chương trình hành động số 414-CTr/TU, ngày 19/02/2025 của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 334-KH/TU, ngày 25/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 05-KH/BCĐ ngày 25/4/2025 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Lào Cai về triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

UBND tỉnh Lào Cai ban hành kế hoạch triển khai thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân với tinh thần cách mạng, toàn dân, toàn diện, không ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình chuyển đổi số; mọi người dân đều được trang bị kiến thức, kỹ năng số cần thiết để áp dụng trong cuộc sống hằng ngày nhằm nắm bắt, tận dụng, khai thác, thụ hưởng những thành quả của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số mang lại. Thu hẹp khoảng cách số giữa các khu vực và nhóm dân cư; bảo đảm tính bao trùm, toàn diện trong tiến trình chuyển đổi số, thực hiện mục tiêu không để ai bị bỏ lại phía sau.

Tạo khí thế thi đua sôi nổi, cổ vũ, động viên tinh thần, đưa Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” trở thành phong trào thường xuyên, liên tục và phát triển sâu rộng, đều khắp trên địa bàn toàn tỉnh; trở thành bước đột phá trong nâng cao nhận thức và kỹ năng số, đặc biệt cho các đối tượng ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa có điều kiện tiếp cận công nghệ, chuyển đổi số.

Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hành động của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp, các tầng lớp Nhân dân về vai trò, ý nghĩa của chuyển đổi số, công tác phổ cập kỹ năng số, khơi dậy động lực tự thân của mỗi người trong học tập, rèn luyện kỹ năng số và tham gia đầy đủ vào tiến trình chuyển đổi số của tỉnh, của quốc gia.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đoàn thể trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Phong trào, thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân; đồng thời, đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Yêu cầu

Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “học tập số” được triển khai toàn diện, sâu rộng đến tận thôn, tổ dân phố, tạo nên cuộc vận động toàn dân thi đua học tập, rèn luyện kỹ năng số, tích cực tham gia vào tiến trình chuyển đổi số, góp phần lan tỏa tinh thần tự học, tự nâng cao tri thức, kỹ năng số, chuyển quá trình học tập, rèn luyện, nâng cao và ứng dụng tri thức số trở thành nhu cầu tự thân của mỗi người dân.

Xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện, bảo đảm phân công cụ thể, rõ người, rõ việc, rõ thời gian và rõ kết quả; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai.

Thực hiện bài bản, khoa học, linh hoạt và sáng tạo, bám sát các văn bản chỉ đạo của các bộ, ngành Trung ương gắn với tình hình thực tế của tỉnh. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng học tập trực tuyến, bảo đảm phương thức tiếp cận linh hoạt, phù hợp với mọi đối tượng, nhất là các nhóm yếu thế, người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tích hợp công nghệ số vào mọi mặt đời sống, giúp người dân kết nối, tương tác và phát triển kỹ năng số để sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, hình thành thói quen và văn hóa trong môi trường số.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch; tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong quá trình thực hiện.

Bảo đảm an ninh dữ liệu, an toàn thông tin trong suốt quá trình triển khai thực hiện phong trào.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Lào Cai nhằm phổ cập, nâng cao kiến thức, kỹ năng số phù hợp cho từng đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân, đặc biệt là các đối tượng yếu thế, người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; từng bước hình thành và phát triển cộng đồng số cơ sở; nâng cao năng lực số toàn dân, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu về chuyển đổi số.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Năm 2025:

- 80% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công của tỉnh có hiểu biết về chuyển đổi số và kỹ năng số cơ bản, sử dụng được các nền tảng dịch vụ số phục vụ công việc
- 100% học sinh trung học và sinh viên trên địa bàn tỉnh được trang bị kiến thức, kỹ năng số phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số.
- 80% người dân trong độ tuổi trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu (dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt ...), biết bảo vệ bản thân trên môi trường số.
- 100% xã, phường trên địa bàn tỉnh kiện toàn và duy trì hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng.
- 40% người dân trưởng thành được tiếp cận, hướng dẫn và sử dụng thành thạo một số kỹ năng số cơ bản, được xác nhận qua nền tảng VneID.
- 80% người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã của tỉnh có hiểu biết về chuyển đổi số và kỹ năng số cơ bản, sử dụng được các thiết bị thông minh phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động.

b) Năm 2026:

- 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công của tỉnh có hiểu biết về chuyển đổi số và kỹ năng số cơ bản, sử dụng được các nền tảng dịch vụ số phục vụ công việc
- 100% học sinh từ cấp tiểu học được trang bị kiến thức, kỹ năng số phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số.
- 100% người dân trong độ tuổi trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, biết bảo vệ bản thân trên môi trường số.

- 70% người dân trưởng thành được tiếp cận, hướng dẫn và sử dụng thành thạo một số kỹ năng số cơ bản qua nền tảng VneID.

- 100% người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã của tỉnh có hiểu biết về chuyển đổi số và kỹ năng số cơ bản, sử dụng được các thiết bị thông minh phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động.

- 100% các điểm bưu điện văn hóa xã, trung tâm học tập cộng đồng có tổ chức hoạt động hướng dẫn kỹ năng số định kỳ cho người dân.

III. NHIỆM VỤ

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phong trào “Bình dân học vụ số”

1.1. Nội dung tuyên truyền

- Thực hiện truyền thông sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng, Báo Lào Cai, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương, các nền tảng mạng xã hội về chuyển đổi số về Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số”.

- Huy động những người có ảnh hưởng trong cộng đồng, Tổ Công nghệ số cộng đồng, lực lượng đoàn viên thanh niên tham gia truyền thông, lan tỏa Phong trào. Phổ biến đến từng hộ gia đình, người dân về mục đích, ý nghĩa của Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số”. Tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc làm chủ công nghệ số, kỹ năng số trong thời đại hiện nay.

- Giới thiệu ý nghĩa, mục tiêu và lợi ích của phong trào “Bình dân học vụ số” khuyến khích người dân tiếp cận, nâng cao kỹ năng số để cải thiện chất lượng cuộc sống và công việc.

- Tuyên truyền các cá nhân, tổ chức có thành tích nổi bật hoặc cách làm sáng tạo trong công tác phổ cập kỹ năng số tại cơ sở.

- Cảnh báo lừa đảo công nghệ hướng dẫn người dân cách nhận diện và phòng tránh các hình thức lừa đảo công nghệ cao, bảo vệ thông tin cá nhân trên môi trường số.

- Thay đổi nhận thức và hành động: Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của cán bộ công chức, viên chức và người dân, thúc đẩy hành động thiết thực trong việc ứng dụng công nghệ số.

1.2. Hình thức tuyên truyền

- Tổ chức “Ngày hội toàn dân học tập số” vào ngày 10/10 hằng năm, kết hợp với Ngày Chuyển đổi số Quốc gia, Ngày Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai, bao gồm hội thảo, trải nghiệm công nghệ và lớp học số cộng đồng.

- Tổ chức lễ phát động phong trào “Bình dân học vụ số” cấp tỉnh và cơ sở, kết hợp với các hoạt động trải nghiệm công nghệ số.

- Tăng cường tuyên truyền thường xuyên, liên tục trên các phương tiện truyền thông đại chúng (Báo Lào Cai, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cổng thông tin của sở, ngành, địa phương).

- Tổ chức các buổi tuyên truyền trực tiếp tại thôn, bản, tổ dân phố, chợ phiên, khu vực công cộng, thông qua đội ngũ tuyên truyền viên, tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn thể cơ sở, nhấn mạnh vai trò của người có ảnh hưởng trong cộng đồng.

- Thiết kế và phát hành các ấn phẩm trực quan như: áp phích, tờ rơi, pano, infographic, video clip ngắn minh họa kỹ năng số đơn giản.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông sáng tạo như: Ngày hội số, Tuần lễ công dân số, Cuộc thi tìm hiểu kỹ năng số cộng đồng...

2. Phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho từng nhóm đối tượng

2.1. Nội dung đào tạo

Các nội dung đào tạo, phổ cập kỹ năng số cơ bản cần thiết cho người dân, bao gồm:

- Đối với người dân tập trung vào các kỹ năng cơ bản về sử dụng điện thoại thông minh, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và kiến thức an toàn về số.

- Đối với học sinh, sinh viên tập trung các kỹ năng sử dụng công cụ học trực tuyến (google classroom, zoom, các ứng dụng AI hỗ trợ học tập...); sử dụng mạng xã hội an toàn và hiệu quả, nhận diện nguy cơ lừa đảo trực tuyến; lập trình cơ bản và ứng dụng công nghệ trong học tập sáng tạo (thiết kế đồ họa, lập trình ...)

- Đối với người lao động trong doanh nghiệp tập trung sử dụng các phần mềm quản lý sản xuất, kinh doanh (quản lý đơn hàng, giám sát chất lượng sản phẩm ...), kỹ năng thương mại điện tử (triển khai mô hình chợ - nông thôn số, bán hàng các nền tảng trực tuyến và mạng xã hội ...), ứng dụng công nghệ số trong các ngành đặc thù của Lào Cai như du lịch (quản lý tour du lịch trực tuyến, các ứng dụng quảng bá du lịch ...), nông nghiệp, logistic (ứng dụng IOT trong quản lý sản xuất nông nghiệp, logistic, blockchain trong theo dõi chuỗi logistic...), các kỹ năng đảm bảo an toàn số.

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức tập trung vào các kỹ năng sử dụng nền tảng quản lý hành chính như cổng dịch vụ công, quản lý văn bản điện tử, hệ điều hành tác nghiệp, các ứng dụng số trong quản lý dữ liệu, báo cáo và tương tác người dân; kiến thức về công nghệ AI, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu trên môi trường số..

2.2. Hình thức đào tạo

2.2.1. Người dân

- Tổ chức lớp học “Bình dân học vụ số” định kỳ trong các kỳ sinh hoạt thôn,

tổ dân phố, tập trung vào kỹ năng sử dụng điện thoại thông minh, truy cập và thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, và kiến thức cơ bản về an toàn số.

- Tổ chức lớp học riêng cho người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, với nội dung đơn giản và hỗ trợ trực tiếp từ tình nguyện viên, phối hợp với tổ chức xã hội cung cấp thiết bị công nghệ miễn phí.

- Huy động tình nguyện viên từ Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Tổ công nghệ số cộng đồng để hướng dẫn sử dụng các nền tảng như VNeID, dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng chăm sóc sức khỏe.

2.2.2. Học sinh, sinh viên

- Lồng ghép giáo dục kỹ năng số vào các môn học như tin học, công nghệ, giáo dục công dân từ tiểu học đến trung học phổ thông, chú trọng ứng dụng AI trong học tập.

- Tổ chức chương trình “học từ thực tế” tại trường học, phối hợp với doanh nghiệp công nghệ, viễn thông để học sinh trải nghiệm ứng dụng công nghệ số.

- Thành lập câu lạc bộ công nghệ số tại trường học để học sinh thực hành và chia sẻ kiến thức.

- Khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia tình nguyện hướng dẫn người dân, đặc biệt là người thân và vùng khó khăn, sử dụng các dịch vụ số như VNeID, dịch vụ công trực tuyến,...

2.2.3. Người lao động trong doanh nghiệp

- Tổ chức khóa đào tạo kỹ năng số phù hợp với đặc thù ngành nghề, tập trung vào phần mềm quản lý sản xuất – kinh doanh, kỹ năng thương mại điện tử, mô hình chợ số, bán hàng online, ứng dụng công nghệ trong du lịch, nông nghiệp, logistics (IoT, Blockchain...), và an toàn số..

- Tổ chức hội thảo, buổi trình diễn công nghệ số tại khu công nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã để người lao động nhận thức lợi ích của kỹ năng số.

2.2.4. Cán bộ, công chức, viên chức

- Tổ chức khóa đào tạo tập trung về chuyển đổi số, tập trung vào Công dịch vụ công trực tuyến, hệ thống quản lý văn bản điện tử, ứng dụng AI, tổ chức tại xã, phường và trực tuyến qua nền tảng MOOCs “Bình dân học vụ số”.

- Đưa nội dung chuyển đổi số vào chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước, đánh giá kỹ năng số trong xếp loại công chức hàng năm.

- Phát động phong trào thi đua trong cơ quan hành chính về ứng dụng chuyển đổi số, với tiêu chí như tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mức độ tự động hóa quy trình.

3. Phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng và lực lượng xã hội

3.1. Củng cố, kiện toàn Tổ Công nghệ số cộng đồng (CNSCĐ)

Rà soát, kiện toàn Tổ CNSCĐ tại tất cả các xã, phường trên địa bàn tỉnh, bảo đảm đủ số lượng, chất lượng, đúng thành phần (cán bộ xã, đoàn thể, giáo viên, đoàn viên, người dân có kỹ năng số...) theo mô hình hành chính 02 cấp.

Cập nhật đầy đủ thông tin thành viên tổ trên hệ thống phần mềm quản lý, thiết lập kênh trao đổi nội bộ để chỉ đạo, điều phối thống nhất.

3.2. Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho Tổ CNSCĐ

Tổ chức các lớp tập huấn định kỳ, chuyên đề, theo phương thức trực tiếp hoặc trực tuyến, tập trung vào kỹ năng hướng dẫn người dân sử dụng thiết bị, dịch vụ số, kỹ năng hướng dẫn cộng đồng, xử lý tình huống thực tế.

Xây dựng tài liệu hướng dẫn nhanh, video mẫu, bảng biểu hỗ trợ công tác tuyên truyền, đào tạo tại cơ sở.

3.3. Giao chỉ tiêu hoạt động định kỳ cho Tổ CNSCĐ

UBND cấp xã chủ trì giao chỉ tiêu hằng quý hoặc hằng tháng cho tổ về số lượng người dân được hướng dẫn, số buổi phổ cập kỹ năng số, số phản ánh/khó khăn được hỗ trợ giải quyết...

Có cơ chế đánh giá, xếp loại và khen thưởng kịp thời tổ/nhóm hoạt động hiệu quả.

3.4. Huy động lực lượng xã hội tham gia phong trào

Huy động đoàn viên thanh niên, giáo viên, sinh viên tình nguyện... tham gia hỗ trợ Tổ CNSCĐ trong các buổi đào tạo, tuyên truyền.

Khuyến khích người dân có kỹ năng số, doanh nghiệp địa phương tham gia giảng dạy, hướng dẫn người dân.

Huy động mọi nguồn lực nghiên cứu triển khai chương trình “Thiết bị cũ, cơ hội mới” nhằm huy động các trang thiết bị máy tính, thiết bị thông minh còn tái sử dụng được của các cơ quan doanh nghiệp và người dân để hỗ trợ cho người dân khu vực khó khăn của tỉnh, xây dựng các phòng học kỹ năng số tại các thôn, bản.

3.5. Thiết lập cơ chế phối hợp, chia sẻ kinh nghiệm

Thiết lập nhóm liên thông giữa các Tổ CNSCĐ theo cụm xã để trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ tài liệu, hỗ trợ lẫn nhau.

Xây dựng chuyên mục điện tử về “Bình dân học vụ số” để cung cấp thông tin, tài liệu, và ghi nhận hoạt động của các tổ, các điển hình tiên tiến.

4. Triển khai các mô hình, phong trào lan tỏa kỹ năng số cho cộng đồng

4.1. Xây dựng mạng lưới “Đại sứ số”

- Tuyển chọn “Đại sứ số” từ thành viên Tổ CNSCĐ, thanh niên, giáo viên,

sinh viên có kỹ năng số tốt, mỗi Đại sứ hướng dẫn ít nhất 5 người dân (mô hình 1 kèm 5).

- Tổ chức tập huấn định kỳ cho Đại sứ số về kỹ năng sử dụng thiết bị, dịch vụ công trực tuyến, an toàn thông tin và phương pháp hướng dẫn cộng đồng.

- Phân công ít nhất một Đại sứ số tại mỗi xã, phường, để hỗ trợ trực tiếp người dân khi thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến tại các điểm giao dịch hoặc qua các kênh hỗ trợ từ xa (Zalo, điện thoại).

4.2. Triển khai phong trào “Gia đình số”

Triển khai phong trào “Gia đình số” tại các xã, phường mỗi hộ gia đình có ít nhất một thành viên tham gia học tập, có hiểu biết về chuyển đổi số, kỹ năng số, sử dụng được nền tảng, dịch vụ số và hướng dẫn cho các thành viên trong gia đình.

4.3. Phát động mô hình “Chợ số - Nông thôn số”

Tổ chức các hoạt động đào tạo, hướng dẫn nông dân, tiểu thương tại các chợ, khu vực nông thôn về kỹ năng số, sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, bán hàng qua mạng xã hội và sàn thương mại điện tử địa phương.

4.4. Mô hình “Một công dân – Một danh tính số”:

Phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng VNeID, tài khoản định danh điện tử, tài khoản ngân hàng số. Đảm bảo 100% công dân đủ điều kiện đều được định danh và biết sử dụng các dịch vụ cơ bản trên môi trường số.

4.5. Chiến dịch Thanh niên hỗ trợ phổ cập kỹ năng số:

Huy động lực lượng đoàn viên thanh niên tại các xã, phường, thị trấn phối hợp với Tổ chuyển đổi số cộng đồng tham gia hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng ứng dụng số, phần mềm thiết yếu và sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Các hoạt động cần tổ chức thường xuyên, liên tục, gắn với các sự kiện truyền thông về chuyển đổi số tại cơ sở.

5. Ứng dụng công nghệ, nền tảng số trong tổ chức triển khai

5.1. Ứng dụng nền tảng số trong quản lý, theo dõi phong trào

- Sử dụng phần mềm hoặc công cụ số để quản lý danh sách tổ công nghệ số cộng đồng, lịch đào tạo, tiến độ triển khai, chỉ tiêu thực hiện...

- Khai thác và hướng dẫn cán bộ, đảng viên và Nhân dân sử dụng hiệu quả nền tảng học trực tuyến mở đại trà quốc gia (MOOCs) “Bình dân học vụ số” để đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho mọi đối tượng trên địa bàn tỉnh.

- Tích hợp các chỉ số về phổ cập kỹ năng số vào Bảng chỉ số chuyển đổi số

cấp xã, hỗ trợ theo dõi kết quả định lượng và đánh giá định kỳ

5.2. Xây dựng thư viện học liệu số

- Phát triển bộ tài liệu học tập kỹ năng số (hướng dẫn nhanh, video, infographic, bài học tương tác) dưới dạng thư viện điện tử mở, dễ truy cập.

- Tạo chuyên mục “Học vụ số” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Cổng chuyển đổi số tỉnh, các nền tảng mạng xã hội chính thống.

5.3. Ứng dụng nền tảng học tập trực tuyến

- Khuyến khích người dân tự học kỹ năng số qua nền tảng MOOCs, Zalo, YouTube, và khóa học E-learning của tỉnh.

- Xây dựng hoặc tích hợp khóa học kỹ năng số cơ bản trên nền tảng E-learning, phối hợp với VNPT, Viettel, FPT, trung tâm giáo dục thường xuyên, với tài liệu song ngữ cho đồng bào dân tộc thiểu số.

5.4. Phát triển công cụ hỗ trợ tự học có hướng dẫn

- Thiết kế các ứng dụng/website đơn giản, giao diện thân thiện, đa ngôn ngữ, phù hợp với người dân vùng dân tộc thiểu số.

- Tích hợp chức năng hỏi – đáp, phản ánh – hỗ trợ nhanh chóng cho người học (ví dụ: chatbot, tổng đài thông minh, nhóm Zalo hỗ trợ...).

5.5. Sử dụng nền tảng số trong truyền thông

- Tận dụng mạng xã hội, ứng dụng OTT (Zalo, Facebook...), YouTube để lan tỏa video hướng dẫn kỹ năng số, cập nhật lịch học, chia sẻ thông điệp tuyên truyền.

- Thiết lập nhóm Zalo cộng đồng tại mỗi xã để chia sẻ tài liệu, lịch học và hỗ trợ trực tuyến Triển khai các chiến dịch truyền thông số theo chủ đề hằng tháng (ví dụ: “Tháng sử dụng dịch vụ công”, “Tuần lễ thanh toán số”, v.v.).

6. Bảo đảm nguồn lực triển khai phong trào

Tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của Trung ương và rà soát, xây dựng các cơ chế, chính sách của tỉnh để tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản về thể chế, hỗ trợ và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, công tác phổ cập kỹ năng số cho người dân với phương châm “Không ai bị bỏ lại phía sau” và “Người dân, doanh nghiệp là trung tâm, mục tiêu, động lực của chuyển đổi số”.

6.1. Nguồn lực tài chính

- Lồng ghép kinh phí thực hiện phong trào vào các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan như: Chương trình chuyển đổi số quốc gia; Chương trình MTQG giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; chương trình giáo dục thường xuyên,...

- Dự toán kinh phí hằng năm trong kế hoạch hoạt động của các sở, ngành, UBND xã để tổ chức các lớp học, tập huấn, tài liệu tuyên truyền, thiết bị hỗ trợ.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích các địa phương chủ động bố trí ngân sách phù hợp theo tình hình thực tiễn.

6.2. Nguồn lực xã hội hóa

- Huy động sự tham gia, đồng hành của các doanh nghiệp công nghệ, viễn thông, tổ chức tài chính, tổ chức xã hội, cá nhân, mạnh thường quân... thông qua hỗ trợ tài chính, thiết bị, nền tảng, tài liệu số, học bổng, gói cước ưu đãi...

- Xây dựng các chương trình phối hợp, ký kết hợp tác chiến lược giữa UBND tỉnh Lào Cai với các tập đoàn, doanh nghiệp như VNPT, Viettel, Mobifone, FPT, các ngân hàng thương mại (Vietcombank, BIDV, Agribank,...), và các tổ chức phi chính phủ để cung cấp hạ tầng số, thiết bị học tập, và các gói hỗ trợ truy cập Internet miễn phí hoặc ưu đãi cho người dân tham gia phong trào.

6.3. Nguồn lực nhân sự

- Phát huy vai trò của Tổ CNSCĐ, thanh niên, hội viên, cán bộ cơ sở, giáo viên, sinh viên tình nguyện trong giảng dạy, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật tại chỗ.

- Bố trí cán bộ đầu mối tại cấp xã và sở, ngành để theo dõi, điều phối thực hiện phong trào.

6.4. Nguồn lực hạ tầng

- Tận dụng các điểm bưu điện văn hóa xã, thư viện cộng đồng, nhà văn hóa, trường học làm địa điểm học vụ số, “góc học tập số cộng đồng”.

- Khuyến khích đầu tư trang bị thiết bị số, đường truyền Internet, bảng tương tác, máy chiếu, tai nghe... phục vụ lớp học và tự học tại cộng đồng.

7. Giám sát, đánh giá, sơ kết và tổng kết phong trào

7.1. Xây dựng bộ chỉ số giám sát, đánh giá phong trào

Ban hành bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với Bộ chỉ số chuyển đổi số cấp xã và các tiêu chí về năng lực số cộng đồng.

Một số chỉ số tham chiếu:

- Tỷ lệ người dân trưởng thành biết sử dụng thiết bị thông minh;
- Số lượng người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến;
- Số lượng tài khoản VneID được kích hoạt và xác nhận trình độ kỹ năng số;
- Tỷ lệ người dân biết thanh toán không dùng tiền mặt;
- Số lớp học vụ số/lượt người tham gia;
- Số xã duy trì góc học tập số cộng đồng hoạt động định kỳ;
- Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu của tổ công nghệ số cộng đồng.

7.2. Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện.

Cập nhật kết quả thực hiện lên nền tảng quản lý tập trung; đối chiếu, phân tích chỉ số giữa các địa phương làm căn cứ điều chỉnh kế hoạch.

Công khai bảng xếp hạng tiến độ giữa các địa phương để khuyến khích thi đua.

7.3. Thực hiện báo cáo định kỳ

Các đơn vị chủ trì, UBND các xã, phường báo cáo tiến độ triển khai hằng quý gửi Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 17 của tháng cuối quý; kèm theo các báo cáo chuyên đề (nếu có) theo yêu cầu.

Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, phân tích, báo cáo định kỳ (hoặc đột xuất) gửi UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

7.4. Sơ kết, tổng kết phong trào

Tổ chức sơ kết giữa giai đoạn (dự kiến năm 2027) và tổng kết toàn tỉnh vào cuối giai đoạn (năm 2030).

Tổng hợp kết quả đạt được, đánh giá hạn chế, rút kinh nghiệm, đề xuất điều chỉnh cơ chế, chính sách và phương thức triển khai giai đoạn tiếp theo.

7.5. Khen thưởng, tôn vinh

Đề xuất UBND tỉnh tặng bằng khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc triển khai, duy trì và sáng tạo mô hình “Bình dân học vụ số”.

Công khai kết quả đánh giá, xếp loại phong trào trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử tỉnh, tổ chức hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến.

(Có Danh mục nhiệm vụ chi tiết theo phụ lục đính kèm)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí ngân sách Trung ương (kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, kinh phí bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương); Nguồn kinh phí ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách; nguồn kinh phí xã hội hóa; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan thường trực, tham mưu, hướng dẫn triển khai phong trào, đảm bảo phù hợp với chỉ đạo của Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh. Điều phối chung các hoạt động của phong trào, đảm bảo sự đồng bộ giữa các sở, ngành, địa phương

và doanh nghiệp công nghệ.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để đảm bảo việc triển khai phong trào đúng quan điểm chỉ đạo, đạt được yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

Chủ trì xây dựng, biên soạn tài liệu đào tạo, nội dung truyền thông, và phát triển các nền tảng số (*website, ứng dụng, E-learning*) hỗ trợ học tập kỹ năng số. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng nòng cốt; xây dựng học liệu số, công cụ hỗ trợ học tập; giám sát, tổng hợp báo cáo định kỳ.

Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cùng các doanh nghiệp công nghệ để triển khai các mô hình “Đại sứ số”, “Gia đình số”, “Chợ số - Nông thôn số”, “Một công dân – Một danh tính số”; tổ chức chiến dịch thanh niên hỗ trợ phổ cập kỹ năng số.

Chủ trì xây dựng nội dung chuyên môn, bộ chỉ số theo dõi – đánh giá phong trào; hướng dẫn tổ chức triển khai đồng bộ trên toàn tỉnh. Theo dõi, tổng hợp báo cáo tiến độ từ các địa phương, đơn vị; phân tích kết quả theo bộ chỉ số; đề xuất điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.

2. Sở Tài chính

Chủ trì hướng dẫn các sở, ngành, UBND cấp xã lồng ghép kinh phí thực hiện phong trào vào các chương trình, đề án liên quan như chuyển đổi số, giảm nghèo, nông thôn mới.

Hỗ trợ xây dựng dự toán ngân sách hằng năm cho các hoạt động đào tạo, tuyên truyền, và trang bị thiết bị số. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí, đảm bảo minh bạch, đúng mục đích; báo cáo các trường hợp sử dụng sai quy định và đề xuất biện pháp xử lý.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ để vận động nguồn lực xã hội hóa từ doanh nghiệp, tổ chức.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tích hợp nội dung kỹ năng số vào chương trình giảng dạy chính khóa và ngoại khóa. Huy động giáo viên, học sinh, sinh viên tham gia hỗ trợ đào tạo, giảng dạy kỹ năng số cho người dân tại các điểm học tập cộng đồng.

Cung cấp hạ tầng trường học, thư viện làm địa điểm tổ chức lớp học vụ số và góc học tập số cộng đồng, đảm bảo các địa điểm được trang bị các thiết bị cơ bản.

Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về kỹ năng số cho học sinh, sinh viên; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng nội dung thi và tổng hợp kết quả.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì thiết kế, phát hành các ấn phẩm truyền thông trực quan (pano, áp phích, tờ rơi, infographic) về kỹ năng số, đảm bảo dễ hiểu, phù hợp với người dân

vùng dân tộc thiểu số.

Tổ chức các sự kiện triển lãm, ngày hội số, và hoạt động cổ động tại các điểm văn hóa cộng đồng để nâng cao nhận thức về phong trào.

Bố trí nhà văn hóa, thư viện làm địa điểm học vụ số và góc học tập số cộng đồng, đảm bảo các địa điểm có không gian và thiết bị phù hợp.

Phối hợp với Báo Lào Cai, Sở Khoa học và Công nghệ, chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí để lan tỏa thông tin qua các kênh truyền thông và mạng xã hội.

5. Sở Nội vụ

Đưa kết quả triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” vào tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm của các sở, ngành, địa phương.

Hướng dẫn các đơn vị lập hồ sơ đề xuất khen thưởng; đảm bảo quy trình minh bạch, công bằng. Tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định khen thưởng, tổ chức vinh danh các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào.

6. Công an tỉnh

Chủ trì tổ chức các buổi tập huấn về bảo vệ thông tin cá nhân, phòng chống lừa đảo trực tuyến cho người dân, cán bộ, học sinh, sinh viên.

Hỗ trợ người dân kích hoạt và sử dụng tài khoản VNeID để xác nhận kỹ năng số; cung cấp tài liệu, video hướng dẫn.

Phối hợp với tổ công nghệ số cộng đồng để triển khai các buổi hướng dẫn tại cơ sở; theo dõi, thống kê số tài khoản VNeID được kích hoạt.

7. UBND các xã, phường

Lập kế hoạch triển khai phong trào tại địa phương, xác định thôn, bản trọng điểm, ưu tiên các nhóm đối tượng yếu thế (người cao tuổi, vùng dân tộc thiểu số).

Kiểm toàn tổ công nghệ số cộng đồng, tổ chức đào tạo, triển khai các lớp học vụ số, theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện.

Tổ chức các lớp học vụ số hằng tuần tại thôn, bản, nhà văn hóa, bưu điện xã; triển khai mô hình “1 kèm 5” để hướng dẫn kỹ năng số cho người dân.

Phát huy vai trò của tổ công nghệ số cộng đồng trong việc hướng dẫn người dân, hỗ trợ kỹ thuật và giám sát kết quả triển khai.

Bố trí nhà văn hóa, thư viện, trường học làm địa điểm học tập số; phối hợp với doanh nghiệp viễn thông để đảm bảo kết nối Internet và thiết bị cơ bản.

Cung cấp dữ liệu, báo cáo tiến độ hằng quý cho Sở Khoa học và Công nghệ.

8. Các doanh nghiệp công nghệ, viễn thông

Đồng hành cùng tỉnh trong việc tài trợ hạ tầng, thiết bị, nền tảng số, tài liệu học tập; phối hợp triển khai các chương trình truyền thông, đào tạo, ứng dụng công

nghệ hỗ trợ phong trào.

9. Báo Lào Cai

Chủ trì xây dựng và vận hành chuyên trang, chuyên mục “Học vụ số” trên báo in, báo điện tử, và các nền tảng mạng xã hội (Facebook, Zalo, YouTube).

Xây dựng chuyên mục: Phát triển chuyên mục “Học vụ số” trên các nền tảng truyền thông, bao gồm báo in, báo điện tử, và mạng xã hội.

Công khai kết quả đánh giá, tuyên dương các điển hình tiên tiến sau mỗi kỳ sơ kết, tổng kết; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ để cập nhật nội dung thường xuyên.

Phong trào “Bình dân học vụ số” là một giải pháp trọng tâm nhằm phổ cập kiến thức, kỹ năng số cơ bản cho người dân, đặc biệt là tại vùng sâu, vùng xa, góp phần nâng cao năng lực số cộng đồng và thực hiện thành công chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh. Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị, tổ chức có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tích cực phối hợp triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung của kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- CVP, PCVP1;
- Lưu: VT, VX2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Sinh

PHỤ LỤC

Nhiệm vụ chi tiết triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Lào Cai
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả / Sản phẩm
I	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phong trào “Bình dân học vụ số”				
1	Xây dựng kế hoạch, thông điệp và nội dung tuyên truyền thống nhất toàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo Lào Cai, Sở Khoa học và Công nghệ	Quý III/2025	Kế hoạch và bộ tài liệu hướng dẫn tuyên truyền
2	Biên soạn, phát hành tài liệu truyền thông, video hướng dẫn kỹ năng số	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo Lào Cai, doanh nghiệp công nghệ	Thường xuyên	Ấn phẩm, video clip, infographic, bộ tài liệu phổ cập kỹ năng số
3	Tổ chức lễ phát động cấp tỉnh	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Báo Lào Cai	Quý II/2025	Sự kiện, báo cáo, hình ảnh (đã hoàn thành)
4	Tổ chức lễ phát động cấp cơ sở	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Báo Lào Cai	Quý III/2025	Sự kiện, báo cáo, hình ảnh
5	Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ, Báo Lào Cai	Thường xuyên	Chuyên trang, chuyên mục, tin bài, phóng sự truyền hình
6	Tuyên truyền qua loa truyền thanh cơ sở, mạng xã hội, nhóm cộng đồng	UBND cấp xã	Tổ CNSCĐ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thường xuyên từ Quý III/2025	Nội dung phát thanh, bài viết mạng xã hội, video ngắn

7	Tổ chức các buổi truyền thông trực tiếp tại cộng đồng	Tổ Công nghệ số cộng đồng	UBND cấp xã, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hàng quý từ Quý III/2025	Buổi tuyên truyền, biên bản, danh sách người tham dự
8	Thiết kế pano, áp phích, tờ rơi, infographic tuyên truyền trực quan	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã	Quý III/2025	Bộ ấn phẩm trực quan được treo/dán tại điểm công cộng
9	Huy động doanh nghiệp công nghệ, viễn thông đồng hành hỗ trợ truyền thông	Sở Khoa học và Công nghệ	VNPT, Viettel, Mobifone, các doanh nghiệp số	Thường xuyên	Chương trình truyền thông, tài trợ nội dung/dịch vụ
10	Tổ chức “Ngày hội toàn dân học tập số”	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo Lào Cai, UBND cấp xã, Tổ CNSCĐ	10/10 hằng năm	Sự kiện, báo cáo, hình ảnh
11	Hướng dẫn cài đặt VneID	Công an tỉnh	UBND cấp xã, Tổ CNSCĐ	Thường xuyên	Số tài khoản VNeID kích hoạt
II	Phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho từng nhóm đối tượng				
1	Xây dựng bộ tài liệu đào tạo kỹ năng số cơ bản, phù hợp với từng nhóm đối tượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Doanh nghiệp công nghệ	Quý III/2025	Bộ tài liệu đào tạo chuẩn (bản in, bản điện tử, video)
2	Tổ chức tập huấn lực lượng nòng cốt các cấp về phương pháp hướng dẫn kỹ năng số	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Quý III/2025	Các lớp tập huấn; danh sách cán bộ được tập huấn; báo cáo kết quả
3	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp “học vụ số” tại xã, thôn, bản	UBND cấp xã	Tổ CNSCĐ, Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng quý từ Quý III/2025	Lịch đào tạo; biên bản lớp học; danh sách người tham gia
4	Thiết lập và duy trì “góc học tập số cộng đồng” tại điểm văn	UBND cấp xã	Tổ CNSCĐ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Doanh nghiệp viễn	Từ Quý IV/2025	Số lượng góc học tập được thiết lập; tình trạng

	hóa, thư viện, bưu điện xã		thông		hoạt động thực tế
5	Phát triển nội dung tự học có hướng dẫn (video, nền tảng trực tuyến, tài liệu mở)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Doanh nghiệp công nghệ	Quý IV/2025 và duy trì cập nhật	Thư viện tài nguyên học tập số, ứng dụng di động, kênh YouTube, v.v.
6	Huy động học sinh – sinh viên, đoàn viên, giáo viên tình nguyện tham gia hỗ trợ đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường đại học, cao đẳng, UBND cấp xã	Thường xuyên, theo đợt	Kế hoạch tình nguyện viên; số lượt hỗ trợ; tổng hợp kết quả
7	Tổ chức lớp học cộng đồng hằng tuần cho người dân	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Tổ CNSCĐ	Hàng tuần từ Quý III/2025	Biên bản, danh sách tham gia
8	Tích hợp giáo dục kỹ năng số vào chương trình học chính khóa và ngoại khóa	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, Các cơ sở giáo dục	Từ năm học 2025-2026	Tài liệu giảng dạy, báo cáo
9	Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về kỹ năng số cho học sinh, sinh viên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, Các cơ sở giáo dục	Hàng năm từ 2025	Kế hoạch cuộc thi, danh sách người tham gia, kết quả thi
10	Tập huấn an toàn thông tin cá nhân và phòng chống lừa đảo	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Báo Lào Cai	Quý III/2025	Tài liệu, báo cáo tham gia
III	Phát huy vai trò của tổ công nghệ số cộng đồng và lực lượng xã hội				
1	Rà soát, kiện toàn tổ công nghệ số cộng đồng tại tất cả xã, phường theo mô hình hành chính 02 cấp	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2025	Danh sách tổ CNSCĐ được kiện toàn, phân công nhiệm vụ cụ thể
2	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng hướng dẫn người dân cho tổ CNSCĐ	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã, Doanh nghiệp công nghệ	Quý III–IV/2025 (và định kỳ hằng	Lớp tập huấn, tài liệu, danh sách cán bộ được bồi dưỡng

				năm)	
3	Giao chỉ tiêu hoạt động định kỳ cho tổ CNSCĐ tại cấp xã	UBND cấp xã	Tổ CNSCĐ	Hàng quý từ Quý III/2025	Quyết định giao chỉ tiêu; báo cáo kết quả thực hiện
4	Thiết lập và duy trì nhóm liên thông chia sẻ kinh nghiệm giữa các tổ CNSCĐ theo cụm xã	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã, Tổ CNSCĐ	Quý III/2025	Nhóm liên thông hoạt động hiệu quả; nội dung trao đổi, chia sẻ định kỳ
5	Xây dựng chuyên mục điện tử “Bình dân học vụ số” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Báo Lào Cai	Quý IV/2025	Chuyên mục điện tử cập nhật thông tin, tài liệu, mô hình hay
IV	Triển khai mô hình, phong trào lan tỏa kỹ năng số				
1	Triển khai mô hình đại sứ số “1 kèm 5” hướng dẫn kỹ năng số tại chỗ	UBND cấp xã	Tổ CNSCĐ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Thường xuyên	Danh sách “Đại sứ số”, báo cáo tập huấn
2	Tuyên truyền, vận động phong trào “Gia đình số”	UBND cấp xã	Tổ CNSCĐ, Sở Khoa học và Công nghệ	Quý III/2025	Tài liệu tuyên truyền, số hộ tham gia
3	Tổ chức lớp học kỹ năng số cho phong trào “Gia đình số”	UBND cấp xã	Tổ CNSCĐ, Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng quý từ Quý III/2025	Biên bản lớp học, danh sách tham gia
4	Tổ chức đào tạo kỹ năng số tại chợ phiên, khu vực nông thôn	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Doanh nghiệp công nghệ	Hàng quý từ Quý III/2025	Lịch đào tạo, số người tham gia
5	Hỗ trợ cài đặt, sử dụng VNeID cho mô hình “Một công dân – Một danh tính số”	Công an tỉnh	UBND cấp xã, Tổ CNSCĐ	Thường xuyên	Số tài khoản VneID kích hoạt
6	Tổ chức chiến dịch thanh niên	Sở Khoa học	Sở Giáo dục và Đào tạo,	Hàng năm từ	Kế hoạch

	hỗ trợ phổ cập kỹ năng số	và Công nghệ	UBND cấp xã, Tổ CNSCĐ	2025	
V	Ứng dụng công nghệ, nền tảng số trong tổ chức triển khai				
1	Xây dựng, lựa chọn và triển khai nền tảng quản lý theo dõi tiến độ phong trào	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp xã, Doanh nghiệp công nghệ	Quý III/2025	Nền tảng quản lý trực tuyến; tài khoản người dùng; báo cáo định kỳ
2	Phát triển thư viện học liệu số (video clip, infographic, hướng dẫn nhanh...)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Doanh nghiệp công nghệ	Quý III/2025 (và cập nhật thường xuyên)	Kho tài liệu điện tử công khai; đường dẫn chia sẻ; số lượt truy cập
3	Tạo chuyên mục “Học vụ số” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và các kênh truyền thông số	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Báo Lào Cai	Quý III/2025	Chuyên mục trực tuyến hoạt động thường xuyên, có nội dung cập nhật
4	Tích hợp các khóa học kỹ năng số cơ bản trên nền tảng học trực tuyến	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Doanh nghiệp công nghệ	Quý IV/2025	Các khóa học E-learning; tài khoản học tập; báo cáo người học
5	Thiết kế công cụ hỗ trợ tự học có hướng dẫn	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Doanh nghiệp công nghệ	Quý I/2026	Ứng dụng hoặc website hoạt động; tài liệu hướng dẫn sử dụng
6	Hướng dẫn người dân sử dụng các công cụ, nền tảng học tập số	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Tổ CNSCĐ	Thường xuyên	Buổi hướng dẫn, số lượt hỗ trợ, danh sách người dân được tiếp cận
7	Tổ chức truyền thông qua mạng xã hội, nền tảng số (Zalo, Facebook, YouTube...)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ, Báo Lào Cai, Tổ CNSCĐ	Từ Quý III/2025 và thường xuyên	Tin bài, video truyền thông; chiến dịch truyền thông theo chủ đề
8	Hỗ trợ miễn phí hoặc ưu đãi	Doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công	Theo chương	Danh sách hỗ trợ miễn

	truy cập học liệu số và nền tảng học tập cho người dân	viễn thông, công nghệ	nghệ, UBND các xã	trình phối hợp hằng năm	phí; gói tài trợ; thống kê sử dụng
9	Hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân sử dụng nền tảng học trực tuyến mở đại trà quốc gia (MOOCs) “Bình dân học vụ số”	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, UBND cấp xã	Quý IV/2025	Nền tảng hoạt động, báo cáo số lượt đăng ký
VI	Bảo đảm nguồn lực triển khai phong trào				
1	Hướng dẫn lồng ghép kinh phí thực hiện phong trào vào các chương trình, kế hoạch liên quan	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các xã	Quý III/2025	Văn bản hướng dẫn; kế hoạch lồng ghép nguồn lực
2	Bố trí dự toán kinh phí hằng năm cho hoạt động phổ cập kỹ năng số	UBND các xã	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	Từ năm 2025, cập nhật hằng năm	Dự toán ngân sách được phân bổ; báo cáo thực hiện
3	Xây dựng kế hoạch vận động nguồn lực xã hội hóa cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Quý III/2025	Kế hoạch vận động xã hội hóa; danh sách nhà tài trợ, hỗ trợ
4	Tổ chức ký kết hợp tác với doanh nghiệp công nghệ, viễn thông về hỗ trợ triển khai phong trào	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND tỉnh, các doanh nghiệp (VNPT, Viettel, FPT...)	Quý IV/2025	Biên bản ghi nhớ (MOU), chương trình phối hợp dài hạn
5	Sử dụng hiệu quả điểm văn hóa, thư viện, trường học làm địa điểm học vụ số	UBND cấp xã	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Tổ CNSCĐ	Thường xuyên từ Quý III/2025	Danh mục địa điểm triển khai; tần suất sử dụng; hình ảnh, báo cáo
6	Bổ sung thiết bị số, đường truyền Internet phục vụ các lớp	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp viễn	Từ năm 2025, theo lộ trình	Thiết bị được trang bị; kết nối mạng ổn định tại

	học và góc học tập cộng đồng		thông	hàng năm	các điểm học tập
VII	Giám sát, đánh giá, sơ kết và tổng kết phong trào				
1	Xây dựng, ban hành bộ chỉ số theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả triển khai phong trào	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp xã	Quý III/2025	Bộ chỉ số đánh giá; văn bản hướng dẫn thực hiện
2	Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ việc thực hiện phong trào tại cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, UBND cấp xã	Từ Quý IV/2025; định kỳ hằng năm	Kế hoạch kiểm tra; biên bản, báo cáo giám sát
3	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện (6 tháng, hằng năm) và báo cáo chuyên đề	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Tổ CNSCĐ	6 tháng/lần và đột xuất theo yêu cầu	Báo cáo định kỳ; báo cáo tổng hợp gửi UBND tỉnh
4	Tổng hợp, phân tích, đối chiếu kết quả triển khai theo bộ chỉ số	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, các sở ngành liên quan	Hằng năm	Báo cáo tổng hợp kết quả toàn tỉnh; bảng xếp hạng so sánh
5	Tổ chức sơ kết giữa kỳ phong trào (dự kiến năm 2027)	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Quý II/2027	Hội nghị sơ kết; báo cáo đánh giá giữa kỳ
6	Đề xuất khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã,	Hằng năm và dịp tổng kết	Quyết định khen thưởng; hồ sơ khen thưởng; danh sách cá nhân, tập thể
7	Công khai kết quả đánh giá, điển hình tiên tiến trên các phương tiện thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo Lào Cai, Văn phòng UBND tỉnh	Sau sơ kết, tổng kết	Tin bài, phóng sự, chuyên trang tuyên truyền, hình ảnh điển hình